

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp Nhà D, xã Quách Phẩm B, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Nhà D, xã Quách Phẩm B, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T đề ngày 04/4/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Anh T và chị Th chung sống năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường cãi nhau, bất đồng quan điểm. Nay anh T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Th nên yêu cầu được ly hôn với chị Th.

Anh T và chị Th có 02 con chung gồm Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 22/8/2005 và Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 26/11/2007. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi 02 con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T xác định không có.

* Đối với chị Nguyễn Thị Th: Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng đến chị Th để chị Th biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của anh T, đồng thời có thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị Th từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T thấy rằng: Anh T và chị Th tự nguyện chung sống từ năm 2003, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên anh T yêu cầu được ly hôn; chị Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa anh T và chị Th không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Th là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi 02 con. Theo đơn trình bày ý kiến ngày 01/6/2022 của Nguyễn Huyền Tr và Nguyễn Hoàng Tr thể hiện các cháu có nguyện vọng sống cùng anh T. Chị Th không có ý kiến gì về vấn đề này. Xét thấy yêu cầu của anh T phù hợp với nguyện vọng của Huyền Tr và Hoàng Tr nên chấp nhận yêu cầu của anh T giao Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 26/11/2007 và Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 22/8/2005 cho anh T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T xác định không có, chị Th không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hoàng T và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 26/11/2007 và Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 22/8/2005 cho anh Tăng tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng T phải chịu là 300.000 đồng. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0012241 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai